

Số: 1774/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 17 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Đào tạo đại học theo học chế tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ vào Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ giáo dục và đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr ngày 02/7/2019 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Đào tạo đại học theo học chế tín chỉ” Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1547/QĐ-ĐHTDM ngày 10/10/2019. Các văn bản ban hành trước đây trái với nội dung Quyết định này đều hủy bỏ.

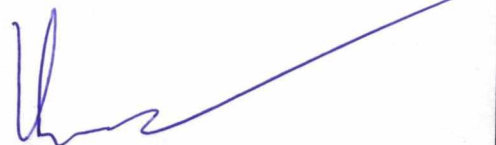
Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo trường;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Ngô Hồng Điệp

QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số 1714/QĐ-ĐHTDM ngày 17 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định chung về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, bao gồm: Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên.

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo bậc đại học (chính quy, thường xuyên) tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 2. Phân cấp tổ chức và quản lý đào tạo

1. Cấp trường

Chỉ đạo và điều hành thống nhất công tác tổ chức và quản lý đào tạo theo cơ chế mở, liên thông, liên kết và hợp tác giữa các đơn vị đào tạo.

Điều phối sử dụng các nguồn lực chung (nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật) phục vụ đào tạo.

Quản lý toàn diện công tác tổ chức và quản lý đào tạo của các Khoa, Viện (gọi chung là Khoa), Trung tâm, Chương trình đào tạo.

2. Đơn vị đào tạo

Khoa, Trung tâm, Chương trình đào tạo tổ chức và quản lý đào tạo các ngành học, học phần được Trường giao nhiệm vụ; công nhận kết quả học tập của sinh viên; xây dựng học liệu dùng chung.

Xây dựng chương trình đào tạo mới, chú trọng tính liên thông, liên ngành, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định ban hành và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo.

Điều 3. Hình thức dạy học, tín chỉ học tập

1. Hình thức dạy học

Quá trình đào tạo được thực hiện theo quy trình sau: (1) dạy học lý thuyết; (2) dạy học trên mô hình, mô phỏng; (3) bài tập thực tế; (4) bài tập điển hình. Cụ thể:

1.1. Giờ lý thuyết: sinh viên học tập trên lớp qua bài giảng trực tiếp của giảng viên và hỗ trợ của hệ thống quản lý nội dung học tập (LMS – learning Management System).

1.2. Giờ thực hành: sinh viên học tập qua hoạt động thực hành, thực tập, làm thí nghiệm, làm bài tập; thảo luận; qua mô hình, mô phỏng; qua bài tập tình huống trên các thiết bị điển hình; thực hành thực tập trên hoạt động thực tiễn.

1.3. Giờ tự học: sinh viên tự học và nghiên cứu nội dung theo kế hoạch do giảng viên giao; sinh viên và giảng viên tương tác thông qua hệ thống hỗ trợ quản lý nội dung học tập và được kiểm tra đánh giá theo kế hoạch trong đề cương chi tiết.

2. Tín chỉ

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết; 30 - 45 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu một tín chỉ thì sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị của cá nhân.

Một giờ học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Học phần

1. Học phần

Học phần là môn học có khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Một học phần phải được bố trí giảng dạy gói gọn trong một học kỳ.

Kiến thức trong mỗi học phần được thiết kế theo đặc thù của mỗi học phần và có tên gọi riêng, thể hiện được nội hàm của kiến thức. Tên gọi học phần mang tính phổ biến, ngắn gọn, dễ hiểu và được ký hiệu bằng một mã riêng, do trường quy định.

2. Các loại học phần

Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

Học phần tự chọn: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

Học phần điều kiện: là các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh. Kết quả đánh giá các học phần điều kiện không tính vào điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình tích lũy, nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp.

Học phần tiên quyết: là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy trước khi học học phần tiếp theo.

3. Đề cương chi tiết học phần

Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

Đề cương chi tiết học phần do giảng viên/nhóm giảng viên biên soạn theo mẫu của Trường quy định và dựa trên chuẩn đầu ra của học phần, được thông qua chương trình, do Giám đốc chương trình chịu trách nhiệm dưới sự giám sát của Trường khoa. Đề cương chi tiết được giảng viên cung cấp cho người học trước khi giảng dạy.

4. Ngân hàng câu hỏi của học phần

Mỗi học phần có ngân hàng câu hỏi do Chương trình đào tạo quản lý học phần tổ chức biên soạn và thẩm định, được Nhà trường cho phép sử dụng để lựa chọn làm đề kiểm tra, đánh giá.

Trung tâm Đảm bảo chất lượng quy định cụ thể việc xây dựng ngân hàng câu hỏi của học phần.

Điều 5. Học phí

Sinh viên học bất kỳ ngành học nào đều phải trả học phí theo số tín chỉ đăng ký học trong mỗi học kỳ theo quy định của Nhà trường (trừ sinh viên thuộc đối tượng không phải đóng học phí hoặc được miễn giảm theo quy định hiện hành của Nhà nước).

Phòng Tài Chính - Kế Toán triển khai cụ thể cho sinh viên biết quy định về học phí.

Phòng Công tác Sinh viên công bố các chế độ chính sách và thủ tục xét miễn giảm học phí cho sinh viên biết.

Điều 6. Tuyển sinh

1. Chỉ tiêu tuyển sinh

Hàng năm, căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng, nhu cầu xã hội và cơ hội nghề nghiệp của sinh viên sau tốt nghiệp, Trung tâm Tuyển sinh phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học tham mưu Nhà trường chỉ tiêu tuyển sinh cho từng ngành học, từng hình thức đào tạo với chương trình đào tạo.

2. Tổ chức thi và tuyển sinh

Căn cứ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch tuyển sinh cho từng năm.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 7. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ học phần, trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

2. Các loại Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo chính quy; Chương trình đào tạo thường xuyên: gồm văn bằng 2, vừa làm vừa học và liên thông.

3. Chương trình đào tạo được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng.

Điều 8. Hình thức đào tạo

Đào tạo chính quy được tổ chức đào tạo tập trung liên tục trong toàn khóa học và áp dụng cho các chương trình đào tạo chính quy.

Đào tạo thường xuyên được tổ chức đào tạo không tập trung trong toàn khóa học và áp dụng cho các chương trình đào tạo vừa làm vừa học, liên thông, văn bằng 2.

Điều 9. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được cấu trúc từ các học phần chia thành 02 giai đoạn:

Giai đoạn 1: học chung các học phần cơ sở, liên ngành, xuyên ngành.

Giai đoạn 2: học các học phần chuyên ngành.

Chương trình được sắp xếp theo các khối kiến thức: Khối kiến thức chung được giảng dạy cho tất cả các ngành học trong toàn trường; Khối kiến thức theo lĩnh vực được giảng dạy cho các ngành học cùng lĩnh vực; Khối kiến thức theo nhóm ngành được giảng dạy cho các ngành học cùng nhóm ngành và Khối kiến thức chuyên ngành được giảng dạy cho một ngành học.

Điều 10. Nguyên tắc xây dựng ngành học mới

Đơn vị đào tạo xây dựng đề án mở ngành học mới theo nguyên tắc:

1. Phù hợp với nhu cầu xã hội và người học; phù hợp với yêu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương, khu vực Nam Bộ và cả nước.
2. Phù hợp với chiến lược phát triển của Trường Đại học Thủ Dầu Một.
3. Đối sánh với chương trình tiên tiến trong và ngoài nước, hướng đến kiểm định chất lượng giáo dục cũng như phát huy hiệu quả hội nhập quốc tế.

Điều 11. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra là yêu cầu bắt buộc khi xây dựng chương trình đào tạo.
2. Chuẩn đầu ra của chương trình đảm bảo về: Chuẩn về kiến thức; Chuẩn về kỹ năng nghề nghiệp; Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Điều 12. Thiết kế chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo chuẩn được thiết kế 120 tín chỉ đối với đào tạo cử nhân, 150 tín chỉ đối với đào tạo kỹ sư, kiến trúc sư; đảm bảo tiêu chí: 40 - 50% tín chỉ thực hành/ tổng số tín chỉ của chương trình.
2. Chương trình đào tạo chất lượng cao được thiết kế nhiều hơn chương trình đào tạo chuẩn tương ứng ít nhất là 15 tín chỉ, bổ sung một số học phần, có tham khảo chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài.
3. Chương trình đào tạo chuẩn quốc tế được thiết kế nhiều hơn chương trình đào tạo chuẩn tương ứng ít nhất là 15 tín chỉ, trên cơ sở chương trình đào tạo của một

trường đại học tiên tiến có uy tín trên thế giới đã được điều chỉnh phù hợp với các quy định của trường Đại học Thủ Dầu Một và thiết kế chương trình đảm bảo tính hội nhập quốc tế: Chương trình đào tạo có ít nhất 01 học phần du học ngắn hạn ở nước ngoài, với khối lượng từ 1- 3 tín chỉ, tương đương 1 tuần - 1 tháng/ học phần.

Chương trình đào tạo được thiết kế theo hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Chương trình thiết kế không quá 50% trên tổng số tín chỉ. Giai đoạn 1 sinh viên sẽ được trang bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, phương pháp học tập khối kiến thức nền tảng của khối ngành với tính chất liên ngành, xuyên ngành.

Giai đoạn 2: đào tạo chuyên ngành, sinh viên chọn sau khi hoàn tất giai đoạn 1 để cấp bằng theo quy định.

Các chương trình thiết kế phải đáp ứng chuẩn đầu ra, đảm bảo các tiêu chuẩn để hướng đến kiểm định, có đối sánh với chương trình tiên tiến trong và ngoài nước (ít nhất 2 chương trình ngoài nước, 2 chương trình trong nước).

Loại hình đào tạo	Cử nhân	Kỹ sư, Kiến trúc sư	Ghi chú
Đại học chính quy	120 tín chỉ	150 tín chỉ	- Hệ thường xuyên miễn giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất - Văn bằng 2 miễn chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ - Học cùng lúc hai chương trình được miễn những học phần tương đương
Liên thông cao đẳng lên đại học	70 tín chỉ	90 tín chỉ	
Liên thông trung cấp lên đại học	80 tín chỉ	100 tín chỉ	
Đại học văn bằng 2	70 tín chỉ	90 tín chỉ	
Đại học vừa làm vừa học	120 tín chỉ	150 tín chỉ	
Đại học song bằng	120 tín chỉ	150 tín chỉ	

Điều 13. Tổ chức xây dựng, ban hành chương trình đào tạo

1. Nhà trường ban hành: (1) Quy định cấu trúc chương trình đào tạo theo Điều 9 của Quy chế này. (2) Thẩm định, phê duyệt đề án mở ngành học mới của Chương trình đào tạo. (3) Quyết định ban hành các chương trình đào tạo của các đơn vị. (4) Thẩm định các điều kiện đảm bảo chất lượng và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo cho Khoa theo chương trình đào tạo đã được ban hành.

2. Khoa, Chương trình đào tạo: (1) Xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo, đề án mở ngành học mới và trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành. (2) Xây dựng, nghiệm thu đề cương các học phần thuộc đơn vị quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 14. Học kỳ

Mỗi năm học có ba học kỳ, mỗi học kỳ có bố trí thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc học phần.

Điều 15. Thời gian khóa học

1. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa:

- Đối với hình thức đào tạo chính quy là 4 năm (đào tạo cử nhân); 4,5 – 5 năm (đào tạo kỹ sư, kiến trúc sư).

- Đối với hình thức đào tạo thường xuyên như sau:

Loại hình đào tạo	Thời gian đào tạo
Liên thông cao đẳng lên đại học	2 năm
Liên thông trung cấp lên đại học	3 năm
Đại học văn bằng 2	2 năm
Đại học vừa làm vừa học	4 năm

2. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được áp dụng chung cho tất cả các hình thức đào tạo, bao gồm thời gian theo kế hoạch chuẩn toàn khóa cộng với 2 năm.

Thời gian khóa học đồng thời hai chương trình đào tạo không vượt quá thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo thứ nhất.

Điều 16. Kế hoạch đào tạo

1. Nhà trường ban hành kế hoạch năm học vào tháng 3 hàng năm.

2. Trên cơ sở kế hoạch năm học do Nhà trường ban hành, Phòng Đào tạo Đại học xây dựng thời khóa biểu; Trung tâm Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch kiểm tra kết thúc học phần để tổ chức đào tạo, kiểm tra đánh giá thống nhất trong toàn trường.

3. Đầu năm học, Khoa, Chương trình đào tạo thông báo cho sinh viên kế hoạch học tập của năm học.

4. Chậm nhất 03 tuần trước khi học kỳ mới bắt đầu, Phòng Đào tạo Đại học thông báo: (1) Thời khóa biểu của lớp học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, bao gồm các thông tin: tên học phần, số tín chỉ, tên lớp học phần, giờ học, phòng học, số lượng sinh viên của lớp học phần, thông tin giảng viên và các thông tin khác (nếu có). (2) Thời gian và cách thức đăng ký học phần theo thông báo cụ thể của từng học kỳ.

5. Sau khi hết hạn đăng ký học phần, tùy theo tình hình đăng ký thực tế, Phòng Đào tạo Đại học thông báo các học phần không thể tổ chức giảng dạy theo kế hoạch và đề xuất hướng giải quyết.

Điều 17. Thời gian hoạt động giảng dạy và học tập

Thời gian hoạt động giảng dạy và học tập của đơn vị đào tạo từ 07 giờ đến 21 giờ 15 hàng ngày, thống nhất trong toàn trường. Thời gian nghỉ giữa buổi là 20 phút.

Điều 18. Tổ chức lớp học

1. Lớp khóa học

Lớp khóa học được tổ chức cho các sinh viên cùng một ngành học trong cùng một khóa học, có mã hiệu theo quy định của Nhà trường và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa. Phụ trách là cố vấn học tập. Đại diện lớp là Ban cán sự lớp.

Sinh viên được phép nghỉ học tạm thời, khi trở lại học tiếp, được bố trí vào lớp khóa học phù hợp với khối lượng kiến thức đã tích lũy nhưng giữ nguyên mã sinh viên đã được cấp. Trường hợp sinh viên được bố trí vào lớp khóa học có những học phần trong chương trình đào tạo khác biệt so với chương trình đào tạo mà sinh viên đã theo học trước khi nghỉ học tạm thời, Hiệu trưởng quyết định cho sinh viên được bảo lưu hoặc phải học bổ sung những học phần thay thế.

2. Lớp học phần

Lớp học phần được tổ chức cho sinh viên học cùng một học phần trong cùng một học kỳ. Chương trình đào tạo phụ trách học phần có trách nhiệm thành lập và quản lý lớp học phần¹.

Nhà trường quy định số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học phần. Nếu số sinh viên đăng ký ít hơn số lượng sinh viên tối thiểu đã quy định thì Lớp sẽ không được tổ chức; khi đó sinh viên phải đăng ký học phần khác nếu chưa đủ khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

Điều 19. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, Phòng Đào tạo Đại học thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy để sinh viên đăng ký học cho từng học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, sinh viên trực tiếp đăng ký học các học phần dự định học trong học kỳ với số tín chỉ tối thiểu phải đăng ký, cụ thể như sau²:

a) 12 tín chỉ cho mỗi học kỳ (trừ học kỳ cuối khóa học) đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.

b) 8 tín chỉ cho mỗi học kỳ (trừ học kỳ cuối khóa học) đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Đối với học kỳ 3: không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên.

3. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

4. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để đăng ký các học phần dự định sẽ học trong học kỳ theo quy định của Nhà trường.

5. Sinh viên phải đăng ký học lại đối với các học phần bị điểm dưới 5, cụ thể:

a) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc chọn một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc chọn một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

¹ Lớp học phần được gọi theo mã học phần. Một học phần có nhiều lớp học phần, tên mỗi lớp sẽ là tên lớp học phần và bổ sung thêm số thứ tự lớp học phần.

² Không bao gồm các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng xã hội.

b) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo³.

Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 5 của điều này, sinh viên được đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Điểm cuối cùng của học phần học cải thiện là điểm cao nhất trong các lần học. Khi đăng ký học cải thiện, học phí được tính như đóng lần 1.

6. Học phần được bảo lưu, học phần tương đương

Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác có các học phần có cùng nội dung, thời lượng đã được cơ sở đào tạo trước đó công nhận sau khi hoàn thành chương trình đào tạo sẽ được trường Đại học Thủ Dầu Một xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo; riêng đối với ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điểm và số tín chỉ của các học phần được bảo lưu hoặc tương đương được công nhận và chuyển đổi để lập hồ sơ sinh viên trước khi bắt đầu thực hiện kế hoạch học tập theo chương trình đào tạo mới.

Thời gian được bảo lưu các học phần tương đương không quá 5 năm kể từ khi khóa học kết thúc.

7. Kết quả đăng ký học phần

Phòng Đào tạo Đại học thông báo kết quả đăng ký học phần khi sinh viên đã hoàn thành việc đăng ký, đảm bảo khối lượng học tập tối thiểu của học kỳ quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 20. Dạy và học trực tuyến

Nhà Trường tổ chức các lớp học phương thức trực tuyến đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến.

Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và thường xuyên (vừa làm vừa học, liên thông, văn bằng 2), tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

Điều 21. Nghỉ học tạm thời, xin thôi học

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang.

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế.

³ Đối với học phần tự chọn có điều kiện bị điểm dưới 5, sinh viên đăng ký học lại học phần đó hoặc đăng ký học học phần tự chọn khác cùng khối kiến thức để thay thế. Khi đăng ký học lại, học phí được tính là lần 2.

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế.

d) Vì lý do khác. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị xem xét xử lý kết quả học tập quy định tại Điều 23 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình tích lũy không dưới 5,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 1 Điều 15 của Quy chế này.

2. Sinh viên xin nghỉ học tạm thời vì lý do khác, phải nộp đơn về chương trình đào tạo trong vòng 7 ngày sau khi kết thúc thời gian nhập điểm của học kỳ trước. Các trường hợp còn lại, sinh viên phải nộp đơn về chương trình đào tạo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được các cơ quan có thẩm quyền thông báo, xác nhận.

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng duyệt ít nhất 15 ngày trước khi bắt đầu học kỳ mới.

4. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, khi muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

Điều 22. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Sau 2 tuần (tính từ khi bắt đầu học kỳ), nếu sinh viên có nguyện vọng rút học phần, phải làm đơn theo mẫu gửi về Chương trình đào tạo và được chấp nhận.

Sinh viên không phải lên lớp đối với học phần xin rút, khi sinh viên và giảng viên phụ trách học phần nhận được thông báo của phòng Đào tạo Đại học.

Học phần được rút thực hiện đúng quy định được hoàn trả học phí.

Khi đăng ký học ở học kỳ tiếp theo, học phần được rút sẽ tính như học phần học lần đầu. Điểm rút môn học được kí hiệu "RT" không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

Ngoài thời hạn trên, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0.

2. Điều kiện rút các học phần đã đăng ký:

- a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi Chương trình đào tạo.
- b) Được cố vấn học tập chấp thuận và Giám đốc chương trình đồng ý cho rút.
- c) Không vi phạm khoản 2 Điều 19 của Quy chế này.

Điều 23. Xử lý kết quả học tập

1. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên được cảnh báo học vụ khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 3 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 3,5 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 4 đối với sinh viên năm thứ ba, dưới 4,5 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá.

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 2 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 2,5 đối với các học kỳ tiếp theo.

c) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- a) Bị cảnh báo học vụ lần thứ hai liên tiếp.
- b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 2 điều 15 của Quy chế này.

Điều 24. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau:

- a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.
- b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

2. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất xếp loại dưới trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muợn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 25. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển hình thức học

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác của Trường khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét xử lý kết quả học tập quy định tại Điều 23 của Quy chế này và còn đủ thời gian học tập theo quy định;
- b) Được chuyển đến những ngành thuộc cùng nhóm ngành mà sinh viên đang học;
- c) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo của Trường trong cùng khóa tuyển sinh;
- d) Được sự đồng ý của giám đốc chương trình, các đơn vị có liên quan và của hiệu trưởng Trường.

2. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét xử lý kết quả học tập quy định tại Điều 23 của Quy chế này và còn đủ thời gian học tập theo quy định;

b) Chuyển cơ sở đào tạo có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

d) Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của Trường nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

4. Hiệu trưởng trường quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và của trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 26. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các học phần giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất

1. Đối tượng được miễn, tạm hoãn các học phần về GDQP – AN:

a) Đối tượng được miễn học môn học GDQP&AN: (1) Sinh viên có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp. (2) Sinh viên đã có chứng chỉ GDQP&AN tương ứng với trình độ đào tạo. (3) Sinh viên là người nước ngoài. (4) Sinh viên hệ thường xuyên.

b) Đối tượng được miễn học, miễn thi một trong những học phần thuộc các nội dung trong chương trình GDQP&AN là những sinh viên có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần đã học và đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

c) Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự: (1) Sinh viên là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật. (2) Sinh viên không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành. (3) Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

d) Đối tượng được tạm hoãn học môn học GDQP&AN: (1) Sinh viên vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi sinh viên điều trị. (2) Sinh viên là nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành.

Hiệu trưởng xem xét tạm hoãn học môn học GDQP&AN cho các đối tượng quy định tại khoản d Điều này. Hết thời gian tạm hoãn, Khoa đào tạo Kiến thức chung bố trí cho sinh viên vào học các lớp phù hợp để hoàn thành chương trình.

2. Đối tượng được miễn, tạm hoãn các học phần về Giáo dục thể chất:

a) Đối tượng được miễn toàn bộ các học phần về Giáo dục thể chất: sinh viên đã hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.

b) Đối tượng được miễn các học phần thực hành về Giáo dục thể chất: sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận theo quy định của bệnh viện cấp huyện hoặc tương đương trở lên).

c) Đối tượng được tạm hoãn các học phần về Giáo dục thể chất: (1) sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo; (2) sinh viên là nữ đang mang thai và trong thời gian nghỉ thai sản theo quy định hiện hành.

Hiệu trưởng xem xét tạm hoãn học môn học Giáo dục thể chất cho các đối tượng quy định tại khoản c Điều này. Hết thời gian tạm hoãn, Khoa đào tạo Kiến thức chung bố trí cho học sinh, sinh viên vào học các lớp phù hợp để hoàn thành chương trình.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Công tác đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo Quy định về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá của nhà trường.

Chương V

CÔNG NHẬN VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP

Điều 27. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại khoản 1 điều 12 của Quy chế này.

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên.

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất. Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

e) Có đơn gửi về Chương trình đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận và cấp bằng cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

Loại xuất sắc:	Điểm trung bình chung tích lũy từ 9,0 đến 10
Loại giỏi:	Điểm trung bình chung tích lũy từ 8,0 đến 8,99
Loại khá:	Điểm trung bình chung tích lũy từ 7,0 đến 7,99
Loại trung bình:	Điểm trung bình chung tích lũy từ 5,0 đến 6,99

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 24 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, Kỹ năng xã hội trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định Điều 25 của Quy chế này.

Điều 29. Quyền hạn cấp bằng đại học

Căn cứ vào quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký và đóng dấu của trường vào bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Tổ chức thực hiện

Trường các đơn vị đào tạo trong toàn trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đào tạo của các đơn vị trực thuộc.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực áp dụng cho khóa học từ 2021 trở về sau.

Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng nhà trường có thể quyết định sửa đổi, bổ sung một số quy định cho phù hợp với tình hình thực tế./.